**TÒA ÁN NHÂN DÂN**
**HUYỆN C**
**TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 86/2020/DS-ST
Ngày 31 – 8 – 2020
V/v tranh chấp hợp đồng mua bán

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C, TỈNH CÀ MAU**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Bà Lê Thị Trúc Hằng

*Các Hội thẩm nhân dân*:

Ông Nguyễn Quốc Trung

Ông Bùi Hữu Khánh

***-Thư ký phiên tòa:*** Ông Nguyễn Hoàng Vui - Thư ký Tòa án nhân dân huyện C.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C tham gia phiên tòa:*** Ông Nguyễn Minh Cường - Kiểm sát viên.

Trong ngày 31 tháng 8 năm 2020 tại Tòa án nhân dân huyện C xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 05/2020/TLST- DS, ngày 03 tháng 02 năm 2020 về tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 166/2020/QĐXXST-DS, ngày 06 tháng 7 năm 2020 giữa các đương sự:

-*Nguyên đơn*: Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên T Cà Mau.

*Người đại diện theo pháp luật*: Anh Trần Văn L- Chức vụ: Giám đốc.

*Người đại diện theo ủy quyền của ông Trần Văn L*: Chị Danh Như Ng - Chức vụ: Nhân viên kinh doanh (Vắng mặt)

Địa chỉ: Số 20, ấp B, xã L, thành phố C, tỉnh Cà Mau.

(Chị Danh Như Ng có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt ngày 24.8.2020).

- *Bị đơn*: Ông Trần Văn B, sinh năm 1964 (Vắng mặt)

Bà Huỳnh Thị Ph, sinh năm 1965 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Cà Mau.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện ngày 03/01/2020 và các lời khai tại Tòa án anh Trần Văn L (Nguyên đơn) và chị Danh Như Ng trình bày:*

Công ty T có bán thức ăn nuôi tôm thẻ chân trắng, tôm sú nhãn hiệu Việt Hoa và các loại thuốc thủy sản theo số lượng đặt hàng để ông B, bà Ph nuôi tôm. Theo thỏa thuận đến cuối vụ ông B, bà Ph phải thanh toán dứt điểm công nợ cho Công ty nhưng trong quá trình giao dịch ông B, bà Ph không thực hiện việc trả nợ theo thỏa thuận, đến cuối vụ không thanh toán nợ. Theo bảng đối chiếu công nợ giữa hai bên ngày 01.7.2019 thì ông B, bà Ph còn nợ công ty số tiền là 40.000.000 đồng. Nay Công ty T yêu cầu ông B, bà Ph có nghĩa vụ trả số tiền mua thức ăn nuôi tôm còn thiếu là 40.000.000 đồng và không yêu cầu trả lãi suất.

*Tại biên bản làm việc của Tòa án ngày 24.4.2020, bà Trần Thị Ph trình bày:*

Trước đây bà và ông B có mua thức ăn tôm, thuốc thủy sản của Công ty T. Trong quá trình giao dịch, ông bà thực hiện đúng như hợp đồng nhưng giai đoạn sau thì Công ty không giao thức ăn, thuốc thủy sản cho bà để nuôi tôm trả nợ cho Công ty T. Việc làm của Công ty T gây thiệt hại cho ông bà do không có nguồn lấy thức ăn nuôi tôm, thuốc thủy sản nên việc nuôi tôm không đạt hiệu quả. Ông bà có ký tên vào bản đối chiếu công nợ ngày 01.7.2019 giữa hai bên và hiện nay ông bà còn nợ Công ty T số tiền là 40.000.000 đồng. Hiện nay hoàn cảnh gia đình khó khăn, khi nào có tiền bà và ông B sẽ trả cho Công ty T.

Đối với ông Trần Văn B và bà Huỳnh Thị Ph đã được thông báo thụ lý vụ án và tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng không đến Tòa án để tham gia tố tụng và cũng không có bất cứ văn bản nào thể hiện ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của Công ty T. Mặt khác, ông B, bà Ph đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt, không có người đại diện tham gia phiên tòa. Tòa án căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vụ án vắng mặt ông B, bà Ph theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C tham gia phiên tòa trình bày:Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, thư ký và Hội đồng xét xử: Thẩm phán, thư ký đã thụ lý giải quyết đúng thẩm quyền, việc thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử và ra quyết định đưa vụ án ra xét xử đều đảm bảo đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Nguyên đơn và bị đơn chấp hành, thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng

dân sự. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện chưa thấy vấn đề vi phạm tố tụng nên đề nghị Hội đồng xét xử tiếp tục xét xử theo quy định. Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 166 Bộ luật dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền còn thiếu là 40.000.000 đồng. Án phí các đương sự phải chịu theo quy định pháp luật.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Tranh chấp giữa các bên đương sự là tranh chấp về giao dịch dân sự, hợp đồng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự. Cụ thể là tranh chấp " *Hợp đồng mua bán tài sản"* theo quy định tại Điều 430 Bộ luật Bộ luật dân sự.

Ông B và bà Ph có địa chỉ cư trú tại ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Cà Mau nên Tòa án nhân dân huyện C thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự. Đối với ông B và bà Ph đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt và không có người đại diện tham gia phiên tòa. Tòa án căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt ông B và bà Ph theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

[2] Qua xét hỏi và tranh tụng tại phiên tòa, nhận định của Tòa án về nội dung tranh chấp của vụ án như sau:

Phía Công ty T yêu cầu ông B và bà Ph có nghĩa vụ liên đới trả số tiền là 40.000.000 đồng. Tại biên bản làm việc của Tòa án, bà Ph thừa nhận có mua thức ăn tôm của Công ty T và còn thiếu số tiền là 40.000.000 đồng nhưng do hoàn cảnh khó khăn nên chưa có khả năng thanh toán. Hội đồng xét xử xét thấy, việc ông B và bà Ph còn thiếu Công ty T số tiền là 40.000.000 đồng là thực tế có xảy ra, được bà Ph thừa nhận. Đây là những tình tiết, sự kiện không cần phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự.

Công ty T yêu cầu ông B và bà Ph có nghĩa vụ liên đới trả số tiền mua thức ăn, thuốc nuôi tôm là 40.000.000 đồng. Bà Ph xác định bà cùng ông B mua thức ăn nuôi tôm để phát triển kinh tế chung trong gia đình, ông B biết số tiền còn thiếu công ty T, quan hệ hôn nhân của ông B và bà Ph từ trước đến nay vẫn tồn tại. Từ những căn cứ trên, Hội đồng xét xử xét thấy cần buộc ông B và bà Ph cùng có nghĩa vụ liên đới trong việc trả cho Công ty T số tiền 40.000.000 đồng là phù hợp.

Đối với lãi suất Công ty T không có yêu cầu ông B và bà Ph trả nên không đặt ra xem xét.

Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu khởi kiện của Công ty T về việc yêu cầu ông B và bà Ph trả số tiền là 40.000.000 đồng là có cơ sở chấp nhận, buộc ông B và bà Ph có nghĩa vụ liên đới trả cho Công ty T số tiền là 40.000.000 đồng.

[3] *Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:* Ông B và bà Ph phải chịu đối với số tiền có nghĩa vụ trả cho Công ty T là 40.000.000 đồng x 5% = 2.000.000 đồng.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Các điều 26, 35, 39, 147, 227, 271, 273, 278 và 280 Bộ luật tố tụng dân sự.

Điều 357, 430, 440 Bộ luật dân sự.

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên T Cà Mau đối với ông Trần Văn B và bà Huỳnh Thị Ph.

Buộc ông Trần Văn B và bà Huỳnh Thị Ph có nghĩa vụ liên đới trả cho Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên T Cà Mau số tiền là 40.000.000 đồng (Bốn mươi triệu đồng).

Đối với số tiền kể từ ngày Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên T Cà Mau có đơn yêu cầu thi hành án nếu ông Trần Văn B và bà Huỳnh Thị Ph không thi hành xong thì còn phải chịu lãi theo quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự.

*Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch*: Buộc ông Trần Văn B và bà Huỳnh Thị Ph phải chịu án phí số tiền là 2.000.000 đồng, nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện C.

Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên T Cà Mau không phải chịu án phí và được nhận lại số tiền tạm ứng án phí là 1.045.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005031, ngày 03 tháng 01 năm 2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện C.

*Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi*

*hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

Án xử sơ thẩm công khai, Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên T Cà Mau, ông Trần Văn B và bà Huỳnh Thị Ph có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

***Nơi nhận:***
- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lê Thị Trúc Hằng**